

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 22 Ngày 18 tháng 03 năm 2014



Võ Thái Hòa
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ
PVI SUN LIFE**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 01 năm 2013
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PVI SUN LIFE

20-22 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Phạm Anh Đức

Ông Phạm Khắc Dũng

Ông Bùi Vạn Thuận

Ông Kevin Strain

Ông Dikran Ohannessian

Ông Vũ Văn Thắng

Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2013)

Chủ tịch (từ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2013)

Thành viên (bỏ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2013)

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên (từ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2013)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Steven Frederick Lorenz

Ông Lương Quang Ban

Ông Vũ Bảo Lâm

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Phạm Ưu Mộng Lê

Ông Dương Hải

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Phạm mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

BẢO HIỂM NHÂN THỌ

PVI

SUN LIFE

Steven Frederick Lorenz

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 314 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Bảo hiểm PVI Sun Life**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm PVI Sun Life (gọi tắt là “Công ty”) được lập vào ngày 17 tháng 02 năm 2014 từ trang 3 đến trang 17, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Từ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 17 tháng 02 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B01 - DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		2.008.143.965.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.083.618.536.034
1. Tiền	111		76.948.536.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.006.670.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		844.860.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128	5	844.860.000.000
III. Các khoản phải thu	130		62.760.846.500
1. Phải thu khách hàng	131	6	60.409.335.264
2. Trả trước cho người bán	132		1.653.281.900
3. Các khoản phải thu khác	138		698.229.336
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.904.582.648
1. Tạm ứng	151		948.556.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152		15.929.026.648
3. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154		27.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240)	200		156.132.753.108
I. Tài sản cố định	210		125.301.200.201
1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	77.508.677.509
- Nguyên giá	212		91.392.588.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(13.883.911.087)
2. Tài sản cố định vô hình	217	8	47.792.522.692
- Nguyên giá	218		56.853.345.326
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(9.060.822.634)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	9	1.600.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	228		1.600.000.000
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		29.231.552.907
1. Ký quỹ bảo hiểm	241	10	12.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		1.493.696.625
3. Chi phí trả trước dài hạn	243	11	15.737.856.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		2.164.276.718.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B01 - DNBH
Đơn vị: VND

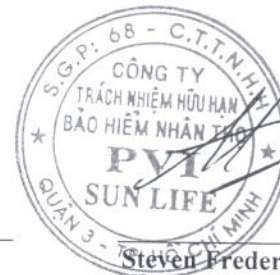
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.027.728.267.122
I. Nợ ngắn hạn	310		80.780.885.795
1. Phải trả người bán	313		66.737.902.578
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	12	13.284.280.085
3. Phải trả người lao động	316		24.739.991
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		733.963.141
II. Dự phòng nghiệp vụ	320	13	916.862.901.270
1. Dự phòng toán học	332		2.715.994.042
2. Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung	334		913.649.736.204
3. Dự phòng bảo đảm cân đối	336		497.171.024
III. Nợ khác	340		30.084.480.057
1. Chi phí phải trả	341	14	30.084.480.057
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.136.548.451.168
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	1.136.548.451.168
1. Vốn điều lệ	411		1.100.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		1.827.422.558
3. Lợi nhuận chưa phân phối	418		34.721.028.610
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2.164.276.718.290



Dương Thị Ngọc Tâm
Người lập



Nguyễn Vương Huỳnh
Kế toán trưởng



Steven Frederick Lorenz
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

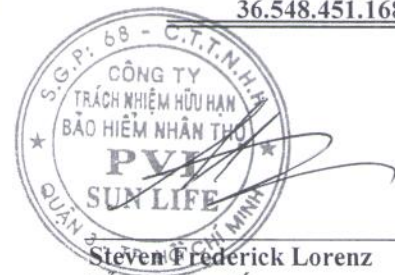
MẪU B02 - DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013
1. Phí bảo hiểm gốc	01		1.025.185.157.724
2. Trừ các khoản khấu trừ (03=04+05+06)	03		1.384.426.940
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		106.373.941
- Giảm phí bảo hiểm	05		1.120.635.834
- Hoàn phí bảo hiểm	06		157.417.165
3. Tăng dự phòng phí và dự phòng toán học	08a	13	2.715.994.042
4. Tăng dự phòng quỹ bảo hiểm liên kết chung	08b	13	913.649.736.204
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01-03-08a-08b)	14		107.435.000.538
6. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25=27+31+33)	25		5.605.484.872
- Chi hoa hồng	27		3.523.392.363
- Chi đánh giá rủi ro	31		10.750.000
- Chi khác	33		2.071.342.509
7. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=25)	41		5.605.484.872
8. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42=14-41)	42		101.829.515.666
9. Chi phí bán hàng	43		18.703.390.345
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		113.857.663.978
11. Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45=42-43-44)	45		(30.731.538.657)
12. Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	80.448.413.778
13. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46)	51		80.448.413.778
14. Thu nhập khác	52		227.287
15. Lợi nhuận khác (54=53)	54		227.287
16. Lợi nhuận trước thuế (55=45+51+54)	55		49.717.102.408
17. Dự phòng đảm bảo cân đối	58	13	497.171.024
18. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (59=55-58)	59		49.219.931.384
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	17	12.671.480.216
20. Lợi nhuận sau thuế (61=59-60)	61		36.548.451.168

Dương Thị Ngọc Tâm
Người lập

Nguyễn Vương Huỳnh
Kế toán trưởng



Steven Frederick Lorenz
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B03 – DNBH

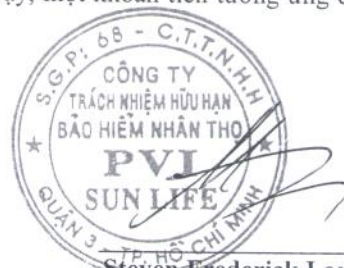
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 24/01/2013 đến 31/12/2013	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ phí bảo hiểm gốc và hoa hồng	01		1.026.497.649.805
2. Tiền thu từ chi phí giảm trừ	03		39.433.701
3. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác	04		8.545.188.341
4. Tiền chi hoa hồng và chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	06		(8.950.882.624)
5. Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	07		(59.314.478.900)
6. Tiền chi trả cho người lao động	08		(23.028.629.454)
7. Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09		(2.806.624.980)
8. Tiền chi khác	10		(33.887.027.677)
9. Tiền ứng trước cho người lao động và nhà cung cấp	11		(59.444.667.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		847.649.960.628
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(38.134.555.612)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		40.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(836.460.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(834.594.555.612)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	32		1.050.000.000.000
2. Tiền thu lãi tiền gửi	33		20.563.131.018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.070.563.131.018
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.083.618.536.034
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.083.618.536.034

Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm khoản tiền 50.000.000.000 đồng, là số tiền được chủ sở hữu góp vốn bằng chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Dương Thị Ngọc Tâm
Người lập

Nguyễn Vương Huỳnh
Kế toán trưởng



Steven Frederick Lorenz
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sun Life (gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 50 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 68GP/KDBH ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Bộ Tài chính cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Công ty Cổ phần PVI, thành lập tại Việt Nam và Sun Life Assurance Company of Canada, thành lập tại Canada.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 204 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc (bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe), kinh doanh tái bảo hiểm, quản lý quỹ, đầu tư vốn vào các lĩnh vực được pháp luật Việt Nam cho phép và tất cả các hoạt động khác được quy định theo pháp luật Việt Nam.

2. CƠ SỞ BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản dự phòng nghiệp vụ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện các phần mềm dùng trong quản lý nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ và một số các phần mềm máy tính khác. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị thẻ hội viên Câu lạc bộ sân golf và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị thẻ hội viên này được ghi nhận theo giá mua và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hội viên là 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ loại nhỏ, thiết bị văn phòng, chi phí trang thiết bị được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dài một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ trên 1 năm đến 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu từ phí bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ bao gồm phí bảo hiểm đóng một lần và phí bảo hiểm đóng định kỳ được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, phí bảo hiểm chưa thu được ghi nhận là doanh thu trong giai đoạn nợ phí cho phép theo hợp đồng hoặc khi được bảo đảm bằng giá trị giải ước của hợp đồng. Các khoản phí bảo hiểm chưa đến hạn nhưng lại được thu trước ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận như “Phí bảo hiểm ứng trước” và được bao gồm trong chỉ tiêu “Các khoản phải trả, phải nộp khác” trên Bảng cân đối kế toán.

Phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung của bên mua bảo hiểm được tính toán bởi chuyên gia tính toán và được ghi nhận tại chỉ tiêu Dự phòng nghiệp vụ trên Bảng cân đối kế toán. Phí bảo hiểm từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận riêng biệt cho doanh thu của Quỹ liên kết chung đầu tư (cho mục đích đầu tư) và Quỹ liên kết chung tổng hợp (cho mục đích bảo hiểm).

Thu nhập hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động tài chính là các khoản lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở phát sinh. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm chi phí giải quyết quyền lợi bảo hiểm, chi hoa hồng, chi giám định, và chi đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro.

Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm: Chi giải quyết quyền lợi bảo hiểm bao gồm chi đáo hạn hợp đồng, chi giải ước hợp đồng trước hạn, và chi trả tiền bồi thường bảo hiểm. Các khoản chi phí này được ghi nhận trên cơ sở các hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm được phê duyệt bởi Công ty.

Chi hoa hồng: Hoa hồng là chi phí phải trả cho đại lý bảo hiểm nhân thọ thay mặt cho Công ty khai thác bảo hiểm, thu phí bảo hiểm và duy trì hợp đồng bảo hiểm. Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở phát sinh, dựa trên cơ sở doanh thu phí bảo hiểm và tỷ lệ hoa hồng định mức quy định bởi Công ty cho từng sản phẩm bảo hiểm và từng năm hợp đồng và phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

Chi giám định và đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro: Chi giám định và đề phòng hạn chế tổn thất rủi ro được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**

Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Công ty được thực hiện theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, cụ thể như sau:

- a) Dự phòng toán học được xác định theo phương pháp phí bảo hiểm thuần hoặc phí bảo hiểm toàn phần được xác định riêng cho từng loại sản phẩm bảo hiểm và được dựa trên cơ sở các giả định, phương pháp đã được Công ty đăng ký và phê duyệt bởi Bộ Tài Chính.
- b) Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập đối với doanh thu phí bảo hiểm cho giai đoạn sau ngày kết thúc niên độ kế toán đã được ghi nhận trong năm. Dự phòng phí chưa được hưởng được Công ty trích lập đối với tất cả các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 1 năm.
- c) Dự phòng bồi thường được trích lập theo phương pháp tổng hợp các khiếu nại hoặc tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- d) Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập hàng năm là một (01) phần trăm từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng năm (05) phần trăm phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp.

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - Hợp đồng bảo hiểm thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012.

- e) Dự phòng kỹ thuật đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm được trích lập là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bồi thường được trích lập cho từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

Các phương pháp và nguyên lý tính toán được áp dụng để ước tính dự phòng bảo hiểm liên kết chung đã được đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng khác**

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 do Chính phủ ban hành.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2013

VND

Tiền mặt	121.389.469
Tiền gửi ngân hàng	76.827.146.565
Các khoản tương đương tiền	1.006.670.000.000
	<u><u>1.083.618.536.034</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là một tháng và hưởng mức lãi suất là 6,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là một năm hoặc ngắn hơn và hưởng mức lãi suất từ 8,1%/năm đến 10,5%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu phí bảo hiểm
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng

31/12/2013
VND
521.525.218
59.887.810.046
<u>60.409.335.264</u>

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tăng	86.932.944.885	6.025.780.000	92.958.724.885
Phân loại lại	(1.566.136.289)	-	(1.566.136.289)
Tại ngày 31/12/2013	<u>85.366.808.596</u>	<u>6.025.780.000</u>	<u>91.392.588.596</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Khấu hao trong kỳ	13.884.503.001	370.256.798	14.254.759.799
Phân loại lại	(370.848.712)	-	(370.848.712)
Tại ngày 31/12/2013	<u>13.513.654.289</u>	<u>370.256.798</u>	<u>13.883.911.087</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>71.853.154.307</u></u>	<u><u>5.655.523.202</u></u>	<u><u>77.508.677.509</u></u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tăng và tại ngày 31/12/2013	<u>56.853.345.326</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Khấu hao trong kỳ và tại ngày 31/12/2013	<u>9.060.822.634</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>47.792.522.692</u></u>

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là hơn một năm và hưởng mức lãi suất từ 8,3%/năm đến 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. KÝ QUỸ BẮT BUỘC**

Ký quỹ bắt buộc thể hiện khoản ký quỹ của Công ty vào một ngân hàng thương mại trong nước theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và có giá trị tương đương 2% vốn pháp định đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ (600 tỷ đồng) và sẽ được thu hồi khi Công ty chấm dứt hoạt động.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013
	<u>VND</u>
Thẻ hội viên sân gôn	1.255.450.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	6.241.318.544
Phần mềm	65.260.658
Công cụ dụng cụ	8.175.827.080
	<u><u>15.737.856.282</u></u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013
	<u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	612.799.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.671.480.216
	<u><u>13.284.280.085</u></u>

13. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Lập trong kỳ và tại ngày 31/12/2013
	<u>VND</u>
Dự phòng toán học	2.715.994.042
Dự phòng đảm bảo cân đối	497.171.024
Dự phòng cho sản phẩm bảo hiểm liên kết chung	913.649.736.204
	<u><u>916.862.901.270</u></u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013
	<u>VND</u>
Chi phí phát triển sản phẩm	2.071.342.509
Thưởng cho đại lý và tư vấn bảo hiểm	3.385.173.661
Lương và thưởng cho người lao động	10.169.653.325
Lương dự phòng	6.121.123.438
Chi phí bảo hành và hỗ trợ	4.792.561.108
Chi phí quản lý khác	3.544.626.016
	<u><u>30.084.480.057</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tăng vốn trong kỳ	1.100.000.000.000	-	-	1.100.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	36.548.451.168	36.548.451.168
Trích lập quỹ	-	1.827.422.558	(1.827.422.558)	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	1.100.000.000.000	1.827.422.558	34.721.028.610	1.136.548.451.168

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2013	
	%	VND
Công ty Cổ phần PVI	51	561.000.000.000
Sun Life Assurance Company of Canada	49	539.000.000.000
	100	1.100.000.000.000

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện lãi tiền gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ ngày 24/01/2013
đến ngày 31/12/2013
VND

Lợi nhuận trước thuế	49.219.931.384
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.465.989.480
Thu nhập chịu thuế	50.685.920.864
Thuế suất áp dụng	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.671.480.216

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

18. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Từ ngày 24/01/2013
đến ngày 31/12/2013
VND

Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

19.037.917.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

Từ ngày 24/01/2013
đến ngày 31/12/2013
VND

Trong vòng một năm	17.076.396.736
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.516.855.613
	<u><u>32.593.252.349</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả để thuê văn phòng và căn hộ cho chuyên gia. Các hợp đồng thuê này được thương lượng cho thời hạn từ 1 năm đến 3 năm.

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, quỹ dự trữ bắt buộc và lợi nhuận chưa phân phối).

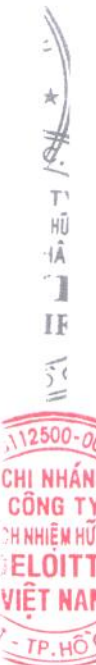
Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2013 <u>VND</u>
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.083.618.536.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.107.564.600
Đầu tư ngắn hạn	844.860.000.000
Ký quỹ ngắn hạn	27.000.000
Đầu tư dài hạn	1.600.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	1.493.696.625
	<u><u>1.992.706.797.259</u></u>
Công nợ tài chính	
Phải trả khách hàng và phải trả khác	66.737.902.578
Chi phí phải trả	30.084.480.057
Dự phòng nghiệp vụ	916.862.901.270
	<u><u>1.013.685.283.905</u></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.083.618.536.034	-	1.083.618.536.034
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.107.564.600	-	61.107.564.600
Đầu tư ngắn hạn	844.860.000.000	-	844.860.000.000
Các khoản ký gửi ngắn hạn	27.000.000	-	27.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Các khoản ký gửi dài hạn khác	-	1.493.696.625	1.493.696.625
	1.989.613.100.634	3.093.696.625	1.992.706.797.259
Phải trả khách hàng và phải trả khác	66.737.902.578	-	66.737.902.578
Chi phí phải trả	30.084.480.057	-	30.084.480.057
Dự phòng nghiệp vụ	-	916.862.901.270	916.862.901.270
	96.822.382.635	916.862.901.270	1.013.685.283.905
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.892.790.717.999	(913.769.204.645)	979.021.513.354

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Từ ngày 24/01/2013
 đến ngày 31/12/2013
VND



Phí bảo hiểm

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

1.006.970.000.000

Mua hàng, sử dụng dịch vụ

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 Sun Life Assurance Company of Canada
 Sun Life Assurance Company of Philippines

41.123.240.212

28.046.414.452

31.987.516.990

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

Từ ngày 24/01/2013
 đến ngày 31/12/2013
VND

Lương và các khoản phúc lợi khác

6.680.754.913

Số dư với các bên liên quan:

31/12/2013

VND

Phải thu

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

300.000.000

Phải thu khác

Sun Life Assurance Company of Canada

602.745.000

Phải trả

Sun Life Assurance Company of Canada
 Sun Life Assurance Company of Philippines

18.359.592.870

31.772.057.031

Chi phí phải trả

Sun Life Assurance Company of Canada

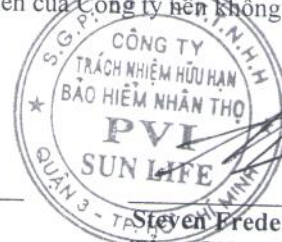
9.462.845.430

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 01 năm 2013 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Đây là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty nên không có số liệu so sánh.

Dương Thị Ngọc Tâm
 Người lập

Nguyễn Vương Huỳnh
 Kế toán trưởng



Steven Frederick Lorenz
 Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2013

